

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện
Nghị quyết 03-NQ/TU ngày 10/5/2011 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh phát triển
công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp giai đoạn 2011-2015**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị quyết 03-NQ/TU ngày 10/5/2011 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về đẩy mạnh phát triển công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp giai đoạn 2011-2015;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại công văn số 553/SCT ngày 14/7/2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành, kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết 03-NQ/TU ngày 10/5/2011 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh phát triển công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp giai đoạn 2011-2015

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, khoa học công nghệ, Nội vụ, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Giao thông vận tải, Xây dựng; Lãnh đạo Ban quản lý các Khu Công nghiệp, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc, Lãnh đạo Báo Lâm Đồng, Đài phát thanh truyền hình Lâm Đồng và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký././ys

Nơi nhận:

- TTTU, TTHĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT;
- Như điều 2;
- Các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN, NN, VX1, VX3, TC.

CHỦ TỊCH



Huỳnh Đức Hòa

KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 10/5/2011
của Tỉnh ủy Lâm Đồng về đẩy mạnh phát triển
công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp giai đoạn 2011-2015.**

(Ban hành kèm theo Quyết định số ¹⁶⁹⁹QĐ-UB ngày 08/8/2011
của UBND tỉnh Lâm Đồng)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

Kế hoạch này nhằm cụ thể hóa, phân công trách nhiệm cho các cấp, các ngành và các địa phương tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 10 tháng 5 năm 2011 của Tỉnh ủy về “Đẩy mạnh phát triển công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2011-2015”, bao gồm:

1. Xây dựng kế hoạch thực hiện các quy hoạch, đề án, chuyên đề cụ thể và các cơ chế chính sách đặc thù;
2. Xác định rõ trách nhiệm của các ngành, các cấp trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện.
3. Xây dựng lộ trình cụ thể, bảo đảm sự lãnh đạo để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ đáp ứng được mục tiêu Nghị quyết đề ra.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN:

1. Công tác tuyên truyền

a) Đến hết Quý III/2011 Sở Công Thương, Sở Thông tin và truyền thông, Đài phát thanh truyền hình, Báo Lâm Đồng và các Sở, ban, ngành, đoàn thể trong tỉnh hoàn thành việc tổ chức quán triệt và phổ biến nội dung Nghị quyết 03-NQ/TU của Tỉnh ủy đến toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị hành chính thuộc tỉnh.

b) Đến hết Quý I/2012 Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thành phố Bảo Lộc và Đà Lạt hoàn thành việc triển khai phổ biến đến lãnh đạo các đơn vị sản xuất công nghiệp trên toàn tỉnh để quán triệt thực hiện.

2. Xây dựng và triển khai các quy hoạch phát triển ngành

Sở Công Thương, các Sở, ngành chức năng và UBND các huyện, thành phố Bảo Lộc và Đà Lạt, triển khai thực hiện các quy hoạch sau:

- a) Tiếp tục triển khai, tổ chức thực hiện Quy hoạch phát triển công nghiệp đến 2015 và tầm nhìn đến 2020 đã được phê duyệt.
- b) Rà soát Quy hoạch thủy điện nhỏ và vừa, hạn chế đầu tư thủy điện tại các vùng cây công nghiệp và sản xuất nông nghiệp hiệu quả.
- c) Xây dựng Quy hoạch phát triển điện mặt trời, điện gió và năng lượng tái tạo.

d) Hoàn thành Quy hoạch điện lực tỉnh 2011-2015 và quy hoạch điện lực huyện, thành phố từ 2011 đến 2020;

đ) Quy hoạch quỹ đất phục vụ việc bố trí tái định cư, tái định canh trong giải phóng mặt bằng cho các dự án công nghiệp.

2. Triển khai thực hiện các Chương trình trọng tâm ngành công nghiệp

a) Chương trình đầu tư xây dựng hạ tầng các khu, cụm công nghiệp: Tập trung hỗ trợ giải phóng mặt bằng, đầu tư kết cấu hạ tầng thiết yếu, hệ thống xử lý nước thải, giao thông đối ngoại tại 02 khu công nghiệp Lộc Sơn và Phú Hội và 06 cụm công nghiệp trọng điểm (Phát Chi, Đình Văn, Gia Hiệp, Lộc Phát, Lộc Thắng, Dạ Oai), chú trọng nâng cao hiệu quả đầu tư, hiệu quả sử dụng đất tại các khu, cụm công nghiệp, thu hút các nhà đầu tư có năng lực đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp- đô thị Tân Phú và các cụm công nghiệp khác trong tỉnh.

b) Chương trình khuyến công Lâm Đồng giai đoạn 2011-2015: Huy động các nguồn lực trong và ngoài nước tham gia hoặc hỗ trợ các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn phát triển. Tập trung hỗ trợ phát triển các sản phẩm công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp tiêu biểu, phù hợp với tiềm năng và lợi thế của từng địa phương trong tỉnh. Hỗ trợ đầu tư các dự án công nghiệp và ngành nghề tiểu thủ công nghiệp tại các xã nông thôn mới bằng nguồn vốn khuyến công. Tạo điều kiện nâng cao năng lực của Trung tâm Khuyến công và các tổ chức dịch vụ khuyến công khác.

c) Chương trình phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm sản; công nghiệp chế biến khoáng sản tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2011-2015: Hỗ trợ và khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư nhà máy sản xuất, chế biến hoặc đổi mới máy móc trang thiết bị nhằm chế biến sâu, chế biến tinh nông, lâm, khoáng sản theo hướng công nghệ sạch hơn; sử dụng hợp lý tài nguyên gắn với bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Đẩy mạnh các hoạt động khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn, tăng cường hỗ trợ đổi mới công nghệ để nâng cao chất lượng đáp ứng cho xuất khẩu, hỗ trợ các sản phẩm có thương hiệu đã được bảo hộ, có nguồn gốc xuất xứ tại Lâm Đồng.

d) Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả: Mục tiêu trong giai đoạn 2011-2015 là tiết kiệm ít nhất 5% năng lượng tiêu thụ trong toàn tỉnh (tương đương khoảng 23.000 tấn dầu qui đổi-TOE). Đa dạng hóa các nguồn kinh phí và hình thức hỗ trợ nhằm khuyến khích, thúc đẩy, tuyên truyền, ứng dụng khoa học công nghệ và các biện pháp quản lý bắt buộc để tạo chuyển biến thực hiện đồng bộ các hoạt động về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

đ) Chương trình đào tạo nguồn nhân lực về công nghiệp: Tập trung đào tạo các ngành nghề công nghệ sinh học, công nghệ chế biến nông, lâm sản, chế biến khoáng sản-vật liệu xây dựng, công nghiệp cơ khí và công nghiệp điện-điện tử-tin học; đào tạo căn bản về marketing, tin học và ngoại ngữ, pháp luật

về lao động và quản lý tài chính, quản lý sản xuất công nghiệp cho các chủ doanh nghiệp và bộ phận quản lý.

3. Triển khai các công trình trọng điểm

Các Sở, ngành chức năng và UBND các huyện, thành phố Bảo Lộc và Đà Lạt, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao hỗ trợ, tạo điều kiện cho các chủ đầu tư triển khai thuận lợi 07 công trình trọng điểm ngành công nghiệp đã được xác định tại Nghị quyết 03-NQ/TU của Tỉnh ủy.

4. Xây dựng các cơ chế, chính sách

Trong năm 2011 và 2012, các Sở, ngành và UBND các huyện, thành phố Bảo Lộc và Đà Lạt tập trung xây dựng các cơ chế, chính sách, kế hoạch sau:

a) Xây dựng các cơ chế ưu đãi, khuyến khích đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng, đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp tại các khu, cụm công nghiệp.

b) Xây dựng chính sách, cơ chế hỗ trợ để phát triển các dự án công nghiệp với công nghệ sạch, thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm đất, sử dụng nhiều lao động để phát triển công nghiệp, góp phần tăng trưởng kinh tế theo hướng bền vững.

c) Xây dựng các giải pháp thu hút đầu tư, huy động các nguồn vốn đầu tư phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên toàn tỉnh; xây dựng kế hoạch hỗ trợ phát triển các sản phẩm tiểu thủ công nghiệp gắn với du lịch và xuất khẩu và các sản phẩm công nghiệp chủ lực và có lợi thế cạnh tranh của tỉnh Lâm Đồng.

d) Xây dựng kế hoạch hỗ trợ đăng ký thương mại, bảo vệ thương hiệu, bảo hộ sở hữu công nghiệp, chống cạnh tranh không lành mạnh, hỗ trợ doanh nghiệp những vấn đề hội nhập kinh tế quốc tế, tăng cường sức cạnh tranh cho các sản phẩm chủ lực của địa phương.

đ) Xây dựng kế hoạch phát triển mạng lưới giao thông gắn với yêu cầu phục vụ phát triển công nghiệp, ưu tiên đường giao thông tại là các khu, cụm công nghiệp, các làng nghề tập trung.

Ngoài những nội dung nêu trên, tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên theo bảng phân công cụ thể và tiến độ thực hiện tại Phụ lục I.

III. CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ VÀ NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ:

1. Các chính sách ưu đãi hỗ trợ đầu tư

a) Bố trí từ 7-8% nguồn vốn ngân sách xây dựng cơ bản hàng năm của tỉnh để hỗ trợ phát triển công nghiệp, tạo điều kiện để tiến hành các hoạt động theo nội dung đề ra tại Kế hoạch này.

b) Hỗ trợ các doanh nghiệp, HTX để được vay vốn đầu tư ưu đãi hoặc hỗ trợ lãi suất vay vốn đầu tư nhà xưởng, đổi mới máy móc, thiết bị của các doanh nghiệp trong lĩnh vực chế biến nông lâm sản, thực phẩm, sản xuất vật liệu xây dựng.

c) Khuyến khích đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng tại các khu, cụm công nghiệp; hỗ trợ một phần ngân sách đầu tư các hạ tầng thiết yếu tại các khu, cụm công nghiệp chưa có nhà đầu tư.

2. Nhu cầu vốn đầu tư cho phát triển công nghiệp

a) Tổng nhu cầu vốn đầu tư: Trong giai đoạn 2011-2015 tổng nhu cầu vốn cho phát triển công nghiệp huy động toàn xã hội dự kiến 49.455 tỷ đồng, trong đó:

- Thu hút vốn từ các dự án công nghiệp khoáng: 48.478 tỷ đồng, chiếm hơn 98 %.

- Nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ dự kiến: 315,5 tỷ đồng, chiếm 0,64 %.

- Nguồn vốn ngân sách địa phương khoáng: 652,5 tỷ đồng, chiếm 1,34%.

b) Nhu cầu vốn cho các công trình trọng điểm: Trong tổng vốn đầu tư nêu trên, dự kiến nguồn kinh phí đầu tư cho các công trình trọng điểm của ngành công nghiệp như sau:

- Chương trình đầu tư xây dựng hạ tầng các khu, cụm công nghiệp:

Tranh thủ nguồn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương và bố trí ngân sách địa phương để đầu tư khoảng 540 tỷ đồng cho 2 khu công nghiệp Lộc Sơn và Phú Hội; kêu gọi vốn đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp-đô thị Tân Phú khoảng 2.200 tỷ đồng. Đối với các cụm công nghiệp: Vốn ngân sách xây dựng cơ bản hàng năm của tỉnh và nguồn vốn Trung ương hỗ trợ đầu tư hạ tầng khoảng 310 tỷ đồng, còn lại thu hút đầu tư của các thành phần kinh tế khác.

- Chương trình khuyến công: Tổng kinh phí hoạt động khuyến công 5 năm (2011-2015) từ ngân sách địa phương là 45,9 tỷ đồng (mức tăng khoảng 22,7%) chiếm khoảng 85%, tranh thủ nguồn kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khác khoảng 15%.

- Chương trình phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm khoáng sản: Tổng vốn đầu tư trong 5 năm khoảng 9336 tỷ đồng, trong đó chủ yếu là vốn đầu tư của các dự án khai thác khoáng sản; vốn ngân sách đầu tư hàng năm khoảng 24,5 tỷ đồng (chiếm 0,26 %), chủ yếu dành cho công tác đào tạo, tập huấn và hỗ trợ chênh lệch lãi suất đầu tư.

- Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả: Kinh phí giai đoạn 2011 – 2015 khoảng 16 tỷ đồng từ ngân sách.

- Chương trình đào tạo nguồn nhân lực về công nghiệp: Tổng nhu cầu vốn dự kiến 38,4 tỷ đồng, trong đó vốn từ ngân sách tỉnh khoáng 9,8 tỷ đồng, chiếm 25,5%, còn lại từ các nguồn vốn khác.

c) Phân kỳ đầu tư từ ngân sách của tỉnh hàng năm như sau:

- Năm 2011: 58,3 tỷ đồng, bằng 4,5% nguồn vốn XDCB toàn tỉnh.

- Năm 2012: 138,0 tỷ đồng, bằng 7 % nguồn vốn XDCB toàn tỉnh.

- Năm 2013: 141,6 tỷ đồng, bằng 7,1 % nguồn vốn XDCB toàn tỉnh.
 - Năm 2014: 151,9 tỷ đồng, bằng 6,9 % nguồn vốn XDCB toàn tỉnh.
 - Năm 2015: 159,7 tỷ đồng, bằng 4,3 % nguồn vốn XDCB toàn tỉnh.
- (Đây là năm cuối thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU của Tỉnh ủy, tùy thuộc tình hình, kết quả thực hiện của các năm trước, UBND tỉnh sẽ điều chỉnh kế hoạch năm 2015 cho phù hợp)

Chi tiết về các nội dung công việc và tổng nhu cầu đầu tư từ các nguồn vốn phát triển công nghiệp thể hiện tại Phụ lục II.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Các Sở, ban, ngành, UBND các địa phương (được phân công cụ thể tại Phụ lục I đính kèm Quyết định) xây dựng kế hoạch cụ thể của đơn vị, gắn với kế hoạch hàng năm để chủ động triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung của Kế hoạch này. Chậm nhất đến cuối quý III/2011 xây dựng xong kế hoạch cụ thể, báo cáo UBND tỉnh và gửi về Sở Công Thương để theo dõi tổng hợp chung.

2. Giao Sở Công Thương theo dõi, đôn đốc các cấp, các ngành, định kỳ hàng năm tổng hợp báo cáo và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức sơ kết, tổng kết việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 10 tháng 5 năm 2011 của Tỉnh ủy. / *ys*

CHỦ TỊCH



Huỳnh Đức Hòa




Phụ lục I

PHIÊN CÔNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1630/QĐ-UBND ngày 08/18/2011 của UBND tỉnh)

ST T	Lĩnh vực, nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
I	Công tác tuyên truyền			
	Tổ chức quán triệt và phổ biến nội dung Nghị quyết 03-NQ/TU của Tỉnh ủy đến toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị hành chính và lãnh đạo các đơn vị sản xuất công nghiệp thuộc tỉnh.	Sở Công Thương, Sở Thông tin và truyền thông,	Đài phát thanh truyền hình, Báo Lâm Đồng UBND các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc	Đến hết Quý I năm 2012
II	Triển khai các quy hoạch			
1	Tiếp tục triển khai Quy hoạch phát triển công nghiệp đến 2015 và tầm nhìn đến 2020	Sở Công Thương	UBND các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc, các doanh nghiệp	Hàng năm
2	Xây dựng Quy hoạch phát triển điện mặt trời, điện gió và năng lượng tái tạo	Sở Công Thương	Điện lực tỉnh; UBND các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc	Năm 2012
3	Rà soát quy hoạch thủy điện nhỏ và vừa;	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Công Thương, UBND các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc	Năm 2012
4	Hoàn thành Quy hoạch điện lực tỉnh giai đoạn 2011-2015; Quy hoạch điện lực huyện, thành phố 2011-2020	Sở Công Thương	Điện lực tỉnh; các huyện, thành phố	Năm 2011-2012
5	Quy hoạch quỹ đất phục vụ việc bố trí tái định cư, tái định canh trong giải phóng mặt bằng cho các dự án công nghiệp	Sở Tài Nguyên và môi trường	UBND các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc	Năm 2012
III	Thực hiện các Chương trình trọng tâm			
1	Chương trình đầu tư xây dựng hạ tầng các khu, cụm công nghiệp	Ban Quản lý các Khu công nghiệp Sở Công Thương,	UBND các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc	Năm 2011-2015
2	Chương trình khuyến công Lâm Đồng giai đoạn 2011-2015	Sở Công Thương	UBND các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc	Năm 2011, hàng năm
3	Chương trình phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm sản; công nghiệp chế biến khoáng sản tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2011-2015	Sở Công Thương	Các Sở ngành, UBND các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc	Năm 2011-2012



4	Chương trình sử dụng năm lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	Sở Công Thương	Điện lực Lâm Đồng, các Sở, UBND các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc	Hàng năm
5	Chương trình đào tạo nguồn nhân lực về công nghiệp	Sở LĐ TBXH	Các Sở ngành, UBND các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc	Năm 2011, triển khai hàng năm
IV Các công trình trọng điểm				
1	Hoàn chỉnh Khu công nghiệp Lộc Sơn, Phú Hội và hạ tầng Khu công nghiệp Tân Phú	Ban QL các khu công nghiệp Lâm Đồng	Các Sở ngành, UBND huyện Đức Trọng, thành phố Bảo Lộc	Năm 2011-2015
2	Dự án sản xuất hydroxyt nhôm, ôxít nhôm tại Bảo Lộc và Di Linh	TKV và Tập đoàn hóa chất Việt Nam	Các Sở ngành, UBND các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc	Năm 2011-2015
3	Nhà máy chế biến vật liệu xây dựng tại KCN Lộc Sơn	Công ty CP vật liệu xây dựng Vĩnh Đức	Các Sở ngành, UBND các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc	Năm 2011-2015
4	Dự án thủy điện Đồng Nai 5	Tập đoàn CN Than Khoáng sản Việt Nam	Các Sở ngành, UBND các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc	Năm 2011-2015
5	Nhà máy may Nhà Bè - Bảo Lộc	Công ty CP may Nhà Bè	Các Sở ngành, UBND các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc	Năm 2011-2012
6	Dự án xây dựng Khu công nghệ thông tin tập trung Đà Lạt tại xã Đa Sar-Lạc Dương	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở ngành, UBND các huyện Lạc Dương	Năm 2011-2015
7	Dự án chế biến lâm sản công nghệ mới	Doanh nghiệp chế biến gỗ	Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Công Thương	Hàng năm
V Xây dựng cơ chế ưu đãi, thu hút đầu tư				
1	Xây dựng các cơ chế ưu đãi, khuyến khích đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng, đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp tại các khu, cụm công nghiệp	Sở Công Thương	Ban QL các khu công nghiệp Sở Kế hoạch và Đầu tư	Năm 2011
2	Xây dựng các giải pháp, chính sách về thu hút đầu tư, huy động các nguồn vốn đầu tư phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở ngành, UBND các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc	Năm 2011
3	Xây dựng chính sách, cơ chế hỗ trợ để phát triển các dự án công nghiệp với công nghệ sạch, thân thiện với môi trường.	Sở Công Thương	Sở Tài nguyên và Môi trường Khoa học và Công nghệ,	Năm 2011

	tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm đất, sử dụng nhiều lao động		UBND các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc.	
4	Xây dựng kế hoạch hỗ trợ phát triển các sản phẩm tiêu thụ công nghiệp gắn với dự trữ và xuất khẩu, các sản phẩm công nghiệp chủ lực và có lợi thế cạnh tranh của tỉnh Lâm Đồng.	Sở Công Thương	Các Sở ngành, UBND các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc	Năm 2011 và hàng năm
5	Xây dựng kế hoạch hỗ trợ đăng ký thương mại, bảo vệ thương hiệu, chống cạnh tranh không lành mạnh, hỗ trợ doanh nghiệp những vấn đề hội nhập kinh tế quốc tế, tăng cường sức cạnh tranh cho các sản phẩm chủ lực của địa phương;	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở ngành, UBND các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc	Năm 2011, hàng năm
6	Xây dựng kế hoạch phát triển mạng lưới giao thông gắn với yêu cầu phục vụ phát triển công nghiệp, ưu tiên đường giao thông tại là các khu, cụm công nghiệp, các làng nghề tập trung.	Sở Giao thông vận tải	Các Sở ngành, UBND các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc	Năm 2011, hàng năm
VI	Các nhiệm vụ thường xuyên			
1	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng chương trình xúc tiến thương mại ra nước ngoài cho các sản phẩm công nghiệp có lợi thế cạnh tranh . - Hướng dẫn các doanh nghiệp xây dựng các dự án, đề án nhằm thực hiện các mục tiêu định hướng của Nghị quyết theo chương trình, quy hoạch, kế hoạch của UBND tỉnh. - Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý doanh nghiệp ngành công nghiệp. - Theo dõi, tổng hợp, đôn đốc các ngành, UBND các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc thực hiện theo sự phân công của UBND tỉnh. Tổ chức sơ kết định kỳ hàng năm và tổ chức các hội nghị chuyên đề để triển khai các nội dung Kế hoạch này. 	Sở Công Thương	Các Sở ngành, UBND các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc, Trung tâm xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh	Năm 2011, hàng năm
2	<ul style="list-style-type: none"> - Tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí nguồn vốn XDCB từ ngân sách hàng năm để hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng các khu, cụm công nghiệp và thực hiện các đề án quy hoạch của ngành công nghiệp. - Chủ trì xây dựng các giải pháp, chính sách về thu hút đầu tư, huy động các nguồn vốn đầu tư phát triển công nghiệp- tiêu thụ công nghiệp; chú trọng việc kêu gọi vốn đầu tư FDI 	Sở Kế hoạch và Đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Công Thương; - Sở Tài chính. - UBND các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc . 	hàng năm



	và ODA - Lập danh mục các dự án công nghiệp ưu tiên thu hút đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp giai đoạn 2011-2015, định hướng đến 2020.			
3	Ứng dụng các tiến bộ công nghệ sau thu hoạch, các đề án canh tác nông nghiệp sạch, đảm bảo dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong sản phẩm nông nghiệp.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Khoa học và công nghệ	hàng năm
4	- Thực hiện việc kiểm tra, rà soát việc sử dụng đất đai và lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm phục vụ cho việc phát triển công nghiệp, các vùng nguyên liệu tập trung cho công nghiệp. - Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong việc lập các thủ tục đất đai trong sản xuất công nghiệp; trong khai thác, chế biến khoáng sản.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở ngành, UBND các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc .	5 năm và hàng năm
5	- Xây dựng kế hoạch phổ biến, hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, thiết bị và ứng dụng các thành tựu khoa học, kỹ thuật vào sản xuất, nâng cao sức cạnh tranh cho các sản phẩm công nghiệp của địa phương. - Phổ biến và đưa vào ứng dụng tại các cơ quan, doanh nghiệp những tiến bộ kỹ thuật, đề tài nghiên cứu khoa học từ nguồn ngân sách đã được nghiệm thu. - Tổ chức tốt “chợ công nghệ” hàng năm trên địa bàn.	Sở Khoa học và công nghệ	Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Kế hoạch và Đầu tư.	Năm 2011, hàng năm
6	- Hàng năm bố trí ngân sách để triển khai các chương trình hợp tác, chương trình xúc tiến thương mại - đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp. - Tham mưu kế hoạch hỗ trợ vốn vay ưu đãi, hỗ trợ lãi suất hàng năm cho các doanh nghiệp chế biến nông lâm sản, vật liệu xây dựng.	Sở Tài Chính	Sở Công Thương;	Năm 2011, hàng năm
7	- Chủ trì công tác điều tra, thống kê nguồn nhân lực trong sản xuất công nghiệp hàng năm. - Thực hiện các giải pháp đảm bảo mục tiêu chuyển dịch cơ cấu lao động đề ra của Nghị quyết	Sở Lao động Thương binh và xã hội	Sở Công Thương; Sở Nội vụ; Sở Kế hoạch và Đầu tư.	hàng năm
8	Xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, phát triển nguồn nhân lực là cán bộ quản lý nhà nước cấp tỉnh và huyện cho	Sở Nội vụ	Sở Công Thương, UBND các huyện, thành phố Đà Lạt và	

	ngành công thương		Bảo Lộc .	
9	- Xây dựng kế hoạch phát triển mạng lưới giao thông đến các khu, cụm công nghiệp, các làng nghề tập trung - Chủ động làm việc với Bộ Giao thông vận tải, Tổng cục Đường bộ và hoàn thành các thủ tục về phía tỉnh LĐ để sớm triển khai đường cao tốc Dầu Giây-Liên Khương.	Sở Giao thông và Vận tải	Sở Công Thương, Ban Quản lý các khu công nghiệp, UBND các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc.	Năm 2012-2013
10	- Quản lý đầu tư và thu hút đầu tư lắp đầy Khu công nghiệp Lộc Sơn, Phú Hội, Tân Phú đạt chỉ tiêu đề ra tại Nghị Quyết - Hoàn chỉnh hồ sơ trình TTCP bổ sung quy hoạch chung khu công nghiệp Đại Lào trong quy hoạch phát triển các khu CN Việt Nam đến 2020	Ban Quản lý các khu công nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, UBND TP Bảo Lộc, huyện Đức Trọng	Năm 2011-2012
11	- Xây dựng kế hoạch cụ thể hóa Nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển công nghiệp - TTCN trên địa bàn. Phối hợp với các ngành triển khai các chương trình cụ thể hóa Nghị quyết của Tỉnh ủy, của các ngành trên địa bàn. Hàng năm sơ kết kế hoạch thực hiện Nghị quyết - Hàng năm cân đối nguồn ngân sách để thực hiện đầu tư phát triển công nghiệp tại địa phương. - Triển khai GPMB đầu tư hạ tầng và xúc tiến đầu tư vào cụm công nghiệp trọng điểm. - Hỗ trợ các doanh nghiệp, các nhà đầu tư triển khai thuận lợi dự án đầu tư trên địa bàn.	UBND các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc	Sở Công Thương và các Sở ngành có liên quan.	Năm 2011, và hàng năm
12	- Xây dựng chuyên đề tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị quyết : thực hiện thương xuyên chuyên đề về khuyến công. - Nêu các điển hình về doanh nghiệp, cá nhân đạt nhiều thành tích trong sản xuất, kinh doanh các ngành nghề công nghiệp. - Phối hợp tuyên truyền các dự án kêu gọi đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp.	Báo Lâm Đồng, Đài phát thanh truyền hình Lâm Đồng	Các Sở ngành, UBND các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc	Năm 2011, hàng năm
13	Chỉ đạo, vận động toàn thể đoàn viên, hội viên và tổ chức mặt trận, đoàn thể các cấp tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết.	Mặt trận TQVN tỉnh LĐ và các đoàn thể	Các Sở ngành, UBND các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc .	Năm 2011, hàng năm



Phụ lục II

TỔNG HỢP CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP-TTCN 5 NĂM (2011-2015)

(Kèm theo Quyết định số 1430/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2011 của UBND tỉnh)

ĐVT: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	Giai đoạn 2011-2015			PHÂN KỲ ĐẦU TƯ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG					
		Tổng số	Ngân sách		Khác	2011	2.012,0	2013	2.014,0	2.015,0
			TW	ĐP						
	TỔNG SỐ	49.455,00	315,5	653	48.487,0	58,30	138,0	159,60	171,9	124,7
A	Xây dựng, rà soát các quy hoạch ngành	4,70	0,0	5		0,6	2,7	1,4	0,0	0,0
	Xây dựng Quy hoạch phát triển điện mặt trời, điện gió và năng lượng tái tạo			1			0,4	0,8		
	Rà soát quy hoạch thủy điện nhỏ và vừa;			1		0,2	0,5			
	Hoàn thành Quy hoạch điện lực tỉnh và cấp huyện, thành phố			2		0,4	1,0	0,6		
	Quy hoạch quỹ đất phục vụ việc bố trí tái định cư, tái định canh cho các dự án công nghiệp			1			0,8			
B	Triển khai các Chương trình trọng tâm	49.450,30	315,5	648	48.487,0	57,70	135,3	158,20	171,9	124,7
1	Phát triển các khu, cụm công nghiệp	3.451,6	300,0	552	2.600,0	51,05	120,3	138,4	146,4	95,5
	Đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp, bồi thường giải phóng mặt bằng, đầu tư xử lý nước thải	2.740,0	200,0	340	2.200,0	30	90,0	95	90,0	35,0
	Đầu tư hạ tầng các cụm công nghiệp, bồi thường giải phóng mặt bằng, đầu tư xử lý nước thải	710,0	100,0	210	400,0	21	30,0	43	56,0	60,0
	Xúc tiến thu hút đầu tư hạ tầng các khu cụm công nghiệp	1,6	0,0	2	0,0	0,05	0,3	0,4	0,4	0,5
2	Chương trình khuyến công	263,3	7,4	46	210,0	5,85	7,2	8,80	10,8	13,3



3	Phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản khác	9.336,0	1,5	25	9.310,0		3,2	5,40	7,5	8,4
	Tổ chức các khóa bồi dưỡng, huấn luyện về sản xuất sạch hơn, an toàn sản xuất, tiết kiệm năng lượng, tài nguyên và kiến thức hoạt động xuất khẩu	3,0	1,5	2	0		0,2	0,4	0,5	0,4
	Đầu tư mới và đầu tư mở rộng nhà xưởng, đổi mới máy móc trang thiết bị, trong đó	9.333,0		23	9.310	0	3,0	5	7,0	8,0
	a) Chế biến nông lâm sản	1.200,0			1.200,0					
	b) Chế biến bauxit thành alumin, hydroxi- oxyt nhôm, hydrat nhôm	7.410,0			7.410,0					
	c) Khai thác chế biến khoáng sản khác	700,0			700,0					
4	Phát triển các dự án năng lượng	36.361,0	0,0	16	36.345	0,3	3,1	3,4	4,6	4,6
	Phổ biến, tuyên truyền, triển khai Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả	16,0	2,0	14	0	0,2	2,8	3	4,0	4,0
	Tiếp tục đầu tư các dự án thủy điện, phong điện	35.870,0			35.870,0					
	Đầu tư các dự án truyền tải điện hàng năm, bao gồm dự án điện Tây Nguyên giai đoạn 2	1.311,0	836,0	0	475					
	Quản lý an toàn lưới điện cao áp, hệ thống truyền tải điện	2,0	0,0	2	0	0,1	0,3	0,4	0,6	0,6
5	Chương trình đào tạo nguồn nhân lực ngành công nghiệp	38,4	6,6	10	22,00	0,50	1,5	2,20	2,6	3,0
	Ghi chú: Tổng vốn XDCB nguồn NSNN theo KH 2011-2015 của tỉnh				10.946	1300	1.975,0	2240	2.544	2.887
	Dự kiến đầu tư cho công nghiệp 7% vốn XDCB				766	91	138,3	156,8	178	202
	Tỷ lệ đầu tư cho công nghiệp từ nguồn vốn XDCB hàng năm				6,0	4,5	7,0	7,1	6,8	4,3